

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: 2019-2023)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2019-2023)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 PHẠM NGỌC THẠCH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
 HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH**

STT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Thanh Hiệp	PGS. TS. BS	Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2	Bà Phan Nguyễn Thanh Vân	TS. BS	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Đặng Trần Ngọc Thanh	TS. ĐD	Trưởng khoa Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học	Phó Chủ tịch	
4	Bà Ngô Thanh Trúc	ThS. DD	Phó Trưởng khoa Điều dưỡng-Kỹ thuật Y học	Thư ký	
5	Ông Hồ Nguyễn Anh Tuấn	TS. BS	Phó Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	ThS	Phụ trách quản lý điều hành Phòng Bảo đảm chất lượng Hội đồng Khoa học Đào tạo	Thành viên	
7	Ông Phùng Đức Nhật	TS. BS	Phó Trưởng Phòng Bảo đảm chất lượng	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Ngọc Minh	TS. BS	Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu khoa học	Thành viên	
9	Ông Nguyễn Văn Kiên	ThS	Phó Trưởng Phòng Công tác sinh viên	Thành viên	
10	Ông Nguyễn Kim Vũ	ThS. BS	Phó Trưởng Phòng Quản lý Thực hành Lâm	Thành viên	

STT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
			sáng		
11	Ông Đặng Chí Vũ Luân	TS. BS	Trưởng Thư viện	Thành viên	
12	Ông Nguyễn Dũng Tuấn	ThS. BS	Trưởng Phòng Khảo thí Thành viên Hội đồng Trường	Thành viên	
13	Ông Lưu Xuân Thu	BS. CKII	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Thành Thuận	CN	Phó Trưởng Phòng Tài chính kế toán (phụ trách quản lý, điều hành)	Thành viên	
15	Ông Phạm Công Danh	ThS. BS	Phó chánh văn phòng	Thành viên	
16	Bà Đỗ Thị Hà	TS. DD	Trưởng Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng	Thành viên	
17	Ông Nguyễn Trọng Phúc		Đại diện Sinh viên	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người./.)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	I
Danh mục Chữ viết tắt	IV
Danh mục Bảng	VI
Danh mục Hình	IX
Phần I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
2. Tổng quan chung	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	16
Tiêu chuẩn 1	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1	17
Tiêu chí 1.2	20
Tiêu chí 1.3	22
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	26
Tiêu chuẩn 2	27
Mở đầu	27
Tiêu chí 2.1	27
Tiêu chí 2.2	31
Tiêu chí 2.3	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	35
Tiêu chuẩn 3	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 3.1	36
Tiêu chí 3.2	41
Tiêu chí 3.3	45
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	53
Tiêu chuẩn 4	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 4.1	54
Tiêu chí 4.2	58
Tiêu chí 4.3	62
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	65
Tiêu chuẩn 5	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 5.1	66
Tiêu chí 5.2	70
Tiêu chí 5.3	72
Tiêu chí 5.4	75
Tiêu chí 5.5	78
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	79
Tiêu chuẩn 6	80
Mở đầu	80
Tiêu chí 6.1	80

NỘI DUNG	TRANG
Tiêu chí 6.2	84
Tiêu chí 6.3	87
Tiêu chí 6.4	89
Tiêu chí 6.5	92
Tiêu chí 6.6	96
Tiêu chí 6.7	99
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	104
Tiêu chuẩn 7	104
Mở đầu	104
Tiêu chí 7.1	104
Tiêu chí 7.2	108
Tiêu chí 7.3	110
Tiêu chí 7.4	112
Tiêu chí 7.5	115
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	117
Tiêu chuẩn 8	117
Mở đầu	117
Tiêu chí 8.1	117
Tiêu chí 8.2	121
Tiêu chí 8.3	123
Tiêu chí 8.4	129
Tiêu chí 8.5	135
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	137
Tiêu chuẩn 9	138
Mở đầu	138
Tiêu chí 9.1	138
Tiêu chí 9.2	140
Tiêu chí 9.3	145
Tiêu chí 9.4	150
Tiêu chí 9.5	152
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	155
Tiêu chuẩn 10	155
Mở đầu	155
Tiêu chí 10.1	156
Tiêu chí 10.2	159
Tiêu chí 10.3	161
Tiêu chí 10.4	166
Tiêu chí 10.5	168
Tiêu chí 10.6	172
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	175
Tiêu chuẩn 11	176
Mở đầu	176
Tiêu chí 11.1	176
Tiêu chí 11.2	180
Tiêu chí 11.3	182

NỘI DUNG	TRANG
Tiêu chí 11.4	184
Tiêu chí 11.5	187
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	189
PHẦN III. KẾT LUẬN	190
PHẦN IV. PHỤ LỤC	202

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG DIỄN GIẢI
1.	AFDP	(<u>A</u> dvanced <u>F</u> aculty <u>D</u> evelopment <u>P</u> rogram) Chương trình phát triển giảng viên nâng cao
2.	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3.	BGH	Ban Giám hiệu
4.	BLQ	Bên liên quan
5.	BM	Bộ môn
6.	CĐR	Chuẩn đầu ra
7.	CEP	(<u>C</u> ollaboration <u>E</u> ducation <u>P</u> rogram) Chương trình hợp tác giáo dục
8.	CECICS	(<u>C</u> enter for <u>E</u> laboration <u>C</u> ompetency and <u>I</u> nnovation in <u>C</u> linical <u>S</u> imulation) Trung tâm Kỹ năng và Sáng tạo Mô phỏng Lâm sàng
9.	CHLB	Cộng hòa Liên bang
10.	CME	(<u>C</u> ontinuous <u>M</u> edical <u>E</u> ducation) Đào tạo y khoa liên tục
11.	CSVC	Cơ sở vật chất
12.	CN	Cử nhân
13.	CNTT	Công nghệ thông tin
14.	CSGD	Cơ sở giáo dục
15.	CTDH	Chương trình dạy học
16.	CTĐT	Chương trình đào tạo
17.	CVHT	Cổ vấn học tập
18.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
19.	ĐHYK	Đại học Y khoa
20.	Đoàn TN	Đoàn Thanh niên
21.	ĐTKS	Điều tra khảo sát
22.	ĐTLT	Đào tạo liên tục
23.	GDDH	Giáo dục đại học
24.	GV	Giảng viên
25.	HP	Học phần
26.	Hội SV	Hội Sinh viên
27.	HTQT	Hợp tác quốc tế
28.	Khoa ĐD-KTYH	Khoa Điều dưỡng Kỹ thuật y học
29.	Khoa KHCB-YHCS	Khoa Khoa học cơ bản - Y học cơ sở
30.	Khoa RHM	Khoa Răng hàm mặt
31.	Khoa YTCC	Khoa Y tế công cộng
32.	KQHT	Kết quả học tập

STT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG DIỄN GIẢI
33.	MC	Minh chứng
34.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
35.	NCV	Nghiên cứu viên
36.	Ngành ĐD	Ngành Điều dưỡng
37.	NH	Người học
38.	NTD	Nhà tuyển dụng
39.	NV	Nhân viên
40.	OSCE	(<u>O</u> bjective <u>S</u> tructured <u>C</u> linical <u>E</u> xamination) Đánh giá thực hành có cấu trúc theo mục tiêu
41.	PO	(<u>P</u> rogram <u>O</u> bjective) Mục tiêu chương trình đào tạo
42.	PLO	(<u>P</u> rogram <u>L</u> earning <u>O</u> utcome) Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
43.	PKĐK	Phòng khám đa khoa
44.	PVCD	Phục vụ cộng đồng
45.	Phòng CNTT	Phòng Công nghệ thông tin
46.	Phòng HCQT	Phòng Hành chính Quản trị
47.	Phòng KT	Phòng Khảo thí
48.	Phòng BDCL	Phòng Bảo đảm chất lượng
49.	Phòng QLĐTĐH	Phòng Quản lý đào tạo đại học
50.	Phòng QLTHLS	Phòng Quản lý thực hành lâm sàng
51.	Phòng NCKH	Phòng Nghiên cứu khoa học
52.	Phòng TCCB	Phòng Tổ chức Cán bộ
53.	Phòng TCKT	Phòng Tài chính kế toán
54.	Phòng TB-DA	Phòng Thiết bị - Dự án
55.	Phòng TTPC	Phòng Thanh tra pháp chế
56.	TĐG	Tự đánh giá
57.	SDH	Sau đại học
58.	TTĐTTLKTC	Trung tâm đào tạo tri liệu kỹ thuật cao
59.	TTNCYS	Trung tâm nghiên cứu y sinh
60.	SSH	(The <u>S</u> ociety for <u>S</u> imulation in <u>H</u> ealthcare) Hiệp hội Mô phỏng Lâm sàng Quốc tế
61.	SV	Sinh viên
62.	VC	Viên chức
63.	VC-NLĐ	Viên chức - Người lao động

DANH MỤC BẢNG

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 1	Thống kê số lượng lớp ĐTLT và số chứng chỉ, chứng nhận đã cấp từ 2019-2023	6
Bảng 2	Thống kê số lượng nhân sự tham dự các lớp CEP	7
Bảng 3	Thống kê số lượng nhân sự tham dự các lớp AFDP	8
Bảng 4	Thống kê các lớp Đào tạo y khoa liên tục thuộc Khoa ĐD-KTYH	13
Bảng 1.1.1	So sánh sự thay đổi CTĐT ngành ĐD qua các năm học	16
Bảng 1.2.1	Đối sánh sự thay đổi về CDR của CTĐT ngành Điều dưỡng	21
Bảng 1.3.1	Đối sánh sự hài lòng của các BQL về CDR của CTĐT	23
Bảng 1.3.2	Các hình thức công khai Chuẩn đầu ra	25
Bảng 2.1.1	So sánh nội dung Bản mô tả CTĐT qua các năm	29
Bảng 2.3.1	Thống kê các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCT	33
Bảng 3.1	Cấu trúc nội dung chương trình dạy học qua các năm	36
Bảng 3.1.1	Đối sánh sự hài lòng của các NH và Cựu NH về CTDH năm 2023	39
Bảng 3.1.2	Đối sánh sự hài lòng của GV và NTD về CTDH năm 2023	39
Bảng 3.2.1	Số lượng học phần đóng góp nhằm đạt được CDR năm 2023	42
Bảng 3.2.2	Đối sánh sự hài lòng của các BLQ về môn học năm 2023	44
Bảng 3.3.1	Thống kê rà soát thay đổi chương trình dạy học năm 2017, 2020, 2023	50
Bảng 3.3.2	Đối sánh mục tiêu đào tạo trước và sau khi rà soát với các CTĐT của CSGD khác	51
Bảng 4.2.1	Quan hệ giữa phương pháp giảng dạy và học tập với chuẩn đầu ra (PLO)	59
Bảng 5.1.1	Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra (PLO)	68
Bảng 6.1.1	Thống kê số lượng quy hoạch đội ngũ GV/NCV Khoa ĐD-KTYH từ năm 2019-2023	81
Bảng 6.1.2	Thống kê phân loại GV cơ hữu thuộc Khoa ĐD-KTYH năm 2023	81
Bảng 6.1.3	Thống kê kinh phí đào tạo bồi dưỡng đội ngũ Giảng viên	82
Bảng 6.2.1	Tỉ lệ Người học/Giảng viên từ năm 2019-2023	84

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
Bảng 6.2.2	Đối sánh giờ chuẩn của GV theo quy chế làm việc 2014 và 2022	86
Bảng 6.4.1	Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành	89
Bảng 6.4.2	Thống kê số lượng GV tốt nghiệp các lớp Phát triển GV	90
Bảng 6.5.1	Bảng đối sánh số lượng GV học SDH tại Khoa ĐD-KTYH	94
Bảng 6.5.2	Bảng đối sánh số lượng GV, NCV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Khoa ĐD-KTYH từ năm 2019-2023	94
Bảng 6.5.3	Bảng đối sánh số lượng lớp Đào tạo y khoa liên tục, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề của Khoa ĐD-KTYH tổ chức từ năm 2019-2023	95
Bảng 6.6.1	Thống kê, đối sánh kết quả đánh giá GV/NCV của Khoa ĐD-KTYH qua các năm học	97
Bảng 6.6.2	Thống kê, đối sánh kết quả thi đua khen thưởng GV/NCV qua các năm học	98
Bảng 6.7.1	Các bài báo đăng tạp chí trong và ngoài nước của Khoa ĐD-KTYH giai đoạn 2019-2023	100
Bảng 6.7.2	Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Khoa báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu giai đoạn 2019-2023	101
Bảng 7.1.1	Số lượng nhân viên thuộc Văn phòng khoa ĐD-KTYH	106
Bảng 7.1.2	Trình độ nhân viên thuộc Văn phòng khoa ĐD-KTYH năm 2023	106
Bảng 7.4.1	Bảng đối sánh số lượng tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Khoa ĐD-KTYH từ năm 2019-2023	113
Bảng 8.1.1	Điểm chuẩn tuyển sinh ngành Điều dưỡng qua các năm giai đoạn 2019-2023	119
Bảng 8.1.2	Bảng so sánh điểm chuẩn ngành Điều dưỡng giai đoạn 2019-2023 giữa các trường xét tuyển theo tổ hợp B00 khu vực phía Nam	120
Bảng 8.2.1	Kết quả tuyển sinh ngành ĐD năm 2023-2024	123
Bảng 8.3.1	Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình theo CTĐT	126
Bảng 8.3.2	Đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và buộc thôi học theo	127

STT/MÃ	TÊN BẢNG	TRANG
	CTĐT	
Bảng 8.4.1	Tỉ lệ NH tham gia các hoạt động ngoại khóa	133
Bảng 8.5.1	Thống kê miễn giảm học phí	
Bảng 9.2.1	Tổng số lượng các nguồn tài liệu tại Thư viện vệ tinh các năm (cập nhật đến tháng 12 năm 2023)	143
Bảng 9.3.1	Thống kê các dự án	146
Bảng 10.1.1	Thống kê kết quả ĐTKS của Phòng Bảo đảm chất lượng	157
Bảng 10.3.1	Kết quả ĐTKS hài lòng về phương pháp kiểm tra đánh giá	164
Bảng 10.4.1	Thống kê về số lượng các báo cáo NCKH đã thực hiện giai đoạn 2019-2023	166
Bảng 10.4.2	Thông tin hoạt động NCKH của NH từ năm 2019-2023	167
Bảng 10.5.1	Dữ liệu thống kê bạn đọc vào và sử dụng nguồn tài nguyên học liệu của Thư viện	170
Bảng 10.6.1	Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan	173
Bảng 11.1.1	Bảng thống kê tỉ lệ NH ngành ĐD tốt nghiệp giai đoạn 2019-2023	177
Bảng 11.1.2	Đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và buộc thôi học theo CTĐT	178
Bảng 11.2.1	Bảng thống kê thời gian NH ngành ĐD tốt nghiệp giai đoạn 2019-2023	181
Bảng 11.4.1	Thống kê NH tham gia các hoạt động học thuật, sáng tạo, NCKH của Khoa ĐD-KTYH giai đoạn từ 2019-2023	185
Bảng 11.4.2	Thống kê NH thực hiện khóa luận tốt nghiệp của Khoa ĐD-KTYH giai đoạn từ 2019-2023	186

DANH MỤC HÌNH

STT/MÃ	TÊN HÌNH	TRANG
Hình 3.1.1	Mô hình Thiết kế ngược	37
Hình 3.2.1	Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận CĐR với CĐR CTĐT	44
Hình 3.3.1	Sơ đồ triển khai CTDH	48
Hình 3.3.2	Sơ đồ triển khai CTDH ngành ĐD thể hiện sự liên quan đến các học phần từ cơ bản nâng cao	49
Hình 4.1.1	Mục tiêu giáo dục của Trường năm 2014	55
Hình 6.7.1	Bảng xếp hạng tổng thể chỉ số nghiên cứu của các cơ sở giáo dục đại học năm 2019	102
Hình 8.2.1	Một số thay đổi trong Đề án tuyển sinh Trường qua các năm	122
Hình 8.3.1	Ứng dụng hỗ trợ người học MyPNTU	128
Hình 11.3.1	Tình hình việc làm của NH tốt nghiệp từ CTĐT ngành ĐD năm 2023	183